TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2023/HNGĐ-ST
Ngày 19/6/2023
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Phúc.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Phương Quyên;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh;

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Đang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

Ngày 19 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lậy mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 96/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 03 năm 2023 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Bích L**, *sinh năm 2001. Địa chỉ:* **Khu V, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ** *(xin vắng mặt).*

- Bị đơn: Anh Trịnh Nhựt T, *sinh năm 2002. Địa chỉ:* Ấp G, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang *(vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ghi ngày 20/02/2023, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị*** Nguyễn Thị Bích L ***trình bày:***

Chị và anh Trịnh Nhựt T tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn ngày 08/8/2022 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng cự cãi thường xuyên. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt và ly thân tháng 11/2022 đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn với anh Trịnh Nhựt T.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Trịnh Gia K, sinh ngày 02/02/2022 do chị đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi con.

- Về cấp dưỡng: Chị chưa yêu cầu anh Trịnh Nhựt T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, đơn khởi kiện, bản tự khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Trịnh Nhựt T vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy chị Nguyễn Thị Bích L có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Trịnh Nhựt T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Chị Nguyễn Thị Bích L xin ly hôn với anh Trịnh Nhựt T nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của các bên đương sự: Quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Bích L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xin vắng mặt tại phiên tòa. Anh Trịnh Nhựt T vắng mặt không lý do, Hội đồng xét xử nhận định:

3.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích L và anh Trịnh Nhựt T chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do chung sống không hạnh phúc nên vợ chồng ly thân ly từ tháng 11/2022 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Bích L cương quyết xin ly hôn. Tòa án tổ chức hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng không thành do anh Trịnh Nhựt T vắng mặt không lý do, điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Bích L.

3.2. Về con chung: Xét thấy con chung đang sống với chị Nguyễn Thị Bích L, cuộc sống sinh hoạt đã ổn định, nên tiếp tục giao con chung chị chăm sóc, nuôi dưỡng.

3.3. Về cấp dưỡng: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3.4. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; khoản 1, 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Bích L ly hôn với anh Trịnh Nhựt T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trịnh Gia K, sinh ngày 02/02/2022 cho chị Nguyễn Thị Bích L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Trịnh Nhựt T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0017295 ngày 02/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên chị Nguyễn Thị Bích L đã nộp xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hà Văn Phúc

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện CL;
- THADS huyện CL;
- UBND xã Mỹ Thành Nam;
- Các đương sự;
- Lưu;

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG** Bản án số: 92/2023/HNGĐ-ST Ngày 16/6/2023 V/v "Tranh chấp ly hôn"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn P.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn T1;

2. Bà Nguyễn Thị Kim H;

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Đ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

Ngày 16 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lậy mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 71/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2023 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử

số 78/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị Bích N***, sinh năm 1996****. Địa chỉ:* Ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang *(xin vắng mặt).*

- Bị đơn: Anh Võ Văn Hoài S*, sinh năm 1995. Địa chỉ:* Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang *(vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ghi ngày 07/02/2023, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị*** Phan Thị Bích N ***trình bày:***

Chị và anh S tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn ngày 01/4/2016 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng cự cãi thường xuyên. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt và ly thân tháng 12/2022 đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn với anh S.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Võ Phúc A, sinh ngày 03/02/2016 do chị Nguyễn Thị Bích L đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi con.

- Về cấp dưỡng: Chị chưa yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

***** Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, đơn khởi kiện, bản tự khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh S vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy chị L có đơn xin xét xử vắng mặt, anh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Chị N xin ly hôn với anh S nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của các bên đương sự: Quá trình giải quyết vụ án chị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xin vắng mặt tại phiên tòa. Anh S vắng mặt không lý do, Hội đồng xét xử nhận định:

3.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh S chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do chung sống không hạnh phúc nên vợ chồng ly thân ly từ tháng 12/2022 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án chị N cương quyết xin ly hôn. Tòa án tổ chức hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng không thành do anh S vắng mặt không lý do, điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N.

3.2. Về con chung: Xét thấy con chung đang sống với chị N, cuộc sống sinh hoạt đã ổn định, nên tiếp tục giao con chung chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

3.3. Về cấp dưỡng: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3.4. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; khoản 1, 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị N ly hôn với anh S.

2. Về con chung: Giao con chung tên Võ Phúc A, sinh ngày 03/02/2016 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh S được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0017243 ngày 22/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên chị N đã nộp xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện CL;
- THADS huyện CL;
- UBND xã Mỹ Long;
- Các đương sự;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hà Văn Phúc

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG
Bản án số: 87/2023/HNGĐ-ST
Ngày 13/6/2023
V/v "Tranh chấp ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn P.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn T1;

2. Bà Nguyễn Thị Kim H;

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Đ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

Ngày 13 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lậy mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 20/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2023 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2023/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị T2***, sinh năm 1984****. Địa chỉ:* Khu phố B, thị trấn B, huyện C, tỉnh Tiền Giang *(xin vắng mặt).*

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thành N1*, sinh năm 1983. Địa chỉ:* Khu phố B, thị trấn B, huyện C, tỉnh Tiền Giang *(vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ghi ngày 03/02/2023, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị*** Phan Thị T2 ***trình bày:***

Chị và anh N1 tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn ngày 28/11/2013 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng cự cãi thường xuyên. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt và ly thân tháng 01/2020 đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn với anh N1.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

***** Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, đơn khởi kiện, bản tự khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh N1 vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy chị T2 có đơn xin xét xử vắng mặt, anh N1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Chị T2 xin ly hôn với anh N1 nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của các bên đương sự: Quá trình giải quyết vụ án chị T2 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xin vắng mặt tại phiên tòa. Anh N1 vắng mặt không lý do, Hội đồng xét xử nhận định:

3.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị T2 và anh N1 chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do chung sống không hạnh phúc nên vợ chồng ly thân ly từ tháng 01/2020 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án chị T2 cương quyết xin ly hôn. Tòa án tổ chức hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng không thành do anh N1 vắng mặt không lý do, điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T2.

3.2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị T2 phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; khoản 1, 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T2.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị T2 ly hôn với anh N1.

2. Về án phí: Chị T2 phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0017155 ngày 03/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên chị T2 đã nộp xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hà Văn Phúc

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện CL;
- THADS huyện CL;
- UBND xã Mỹ Long;
- Các đương sự;
- Lưu;

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN CAI LẬY Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH TIỀN GIANG

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi…..giờ …..ngày 19 tháng 6 năm 2023.

Tại phòng nghị án Toà án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Với Hội đồng xét xử dân sự sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hà Văn P

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim H;

2. Bà Đặng Thị Phương Q;

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 96/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2023 về việc tranh chấp "Ly hôn", giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn: Chị* **Nguyễn Thị Bích L**, *sinh năm 2001. Địa chỉ:* **KHu V, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ**.

- *Bị đơn: Anh* Trịnh Nhựt T, *sinh năm 2002. Địa chỉ:* Ấp G, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; khoản 1, 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Bích L ly hôn với anh Trịnh Nhựt T.

Kết quả biểu quyết 3/3

2. Về con chung: Giao con chung tên Trịnh Gia K, sinh ngày 02/02/2022 cho chị Nguyễn Thị Bích L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Trịnh Nhựt T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Kết quả biểu quyết 3/3

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0017295 ngày 02/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên chị Nguyễn Thị Bích L đã nộp xong án phí.

Kết quả biểu quyết 3/3

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi……giờ……phút ngày 19/6/2023.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA